

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 29/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT, TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: TH, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Lê Thành Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp chưa quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

b) Cơ quan, đơn vị nhận được yêu cầu phối hợp trong quản lý, triển khai hoạt động quản lý nhà nước về cụm công nghiệp của cơ quan đề xuất phải thực hiện việc phối hợp, cung cấp thông tin về lĩnh vực, chuyên môn quản lý của cơ quan, đơn vị mình theo quy định.

c) Phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong phối hợp thực hiện quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phương thức phối hợp:

a) Phối hợp trao đổi bằng văn bản.

b) Trao đổi trực tiếp, cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu.

c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Nội dung cụ thể:

a) Xây dựng, ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì (Sở Công Thương): Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp: Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan, có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 5. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

4. Nội dung thẩm định: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

5. Nội dung chủ yếu Quyết định thành lập, Quyết định mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

6. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

7. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì (Sở Công Thương):

a) Kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các Sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.

b) Báo cáo thẩm định trên cơ sở ý kiến thẩm định của các Sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương đối với trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 05 ha so với Quy hoạch đã được thỏa thuận (trước đây).

d) Lập Tờ trình phê duyệt kèm theo dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

8. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội, năng lực, tư cách pháp lý của chủ đầu tư, tiến độ thực hiện dự án phù hợp với thực tế và khả năng huy động các nguồn lực, huy động các nguồn vốn đầu tư (trong đó có nguồn vốn đầu tư công nếu có) để thực hiện dự án; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư, di dời và tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp và các nội dung khác có liên quan.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có). Đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường, kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư, di dời và tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp và các nội dung khác có liên quan.

c) Sở Giao thông vận tải: Đánh giá khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp và các nội dung khác có liên quan.

d) Sở Xây dựng: Đánh giá phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ cấu sử dụng đất, địa điểm, phạm vi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; phương thức quản lý, khai thác sử dụng sau khi đi vào hoạt động và các nội dung khác có liên quan.

đ) Sở Tài chính: Thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định và hỗ trợ đầu tư (nếu có).

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện (tham gia ý kiến theo địa bàn cấp huyện):

- Đánh giá sự phù hợp, đáp ứng các điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tác động của các khu công nghiệp trên địa bàn ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp.

- Hiện trạng sử dụng đất, định hướng bố trí các ngành, nghề có tính liên kết, hỗ trợ trong sản xuất; cơ cấu sử dụng đất và dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp; đánh giá khả năng đầu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp.

- Mục tiêu, phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật; phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); tiến độ thực hiện dự án phù hợp với thực tế và khả năng huy động các nguồn lực; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư, di dời và tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp.

- Đánh giá năng lực, tư cách pháp lý của chủ đầu tư; tổng mức đầu tư, cơ cấu, khả năng cân đối, huy động các nguồn vốn đầu tư (trong đó có nguồn vốn đầu tư công nếu có) để thực hiện dự án.

- Chi phí duy tu bảo dưỡng, vận hành hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, các chi phí liên quan khác; phương thức quản lý, khai thác sử dụng sau khi đi vào hoạt động.

- Đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội của cụm công nghiệp; các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, gửi Sở Công Thương thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

g) Các Sở ngành, đơn vị có liên quan: Có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 6. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn trước khi thu hút, di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư vào trong cụm công nghiệp.

b) Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng đặc thù tại Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29

tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì (Ủy ban nhân dân cấp huyện):

a) Kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp; gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các Sở ngành, đơn vị có liên quan.

b) Báo cáo thẩm định trên cơ sở ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.

c) Lấy ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng trước khi phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

3. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp:

a) Sở Xây dựng: Tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của ngành và có ý kiến thống nhất hồ sơ quy hoạch trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

b) Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch cụm công nghiệp, sự phù hợp với quy hoạch ngành công nghiệp, phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và các nội dung khác có liên quan.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến đối với hạ tầng kỹ thuật môi trường, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường có phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và phù hợp với quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật, cơ cấu sử dụng đất đai đối với các phân khu chức năng và các nội dung khác có liên quan.

d) Sở Giao thông vận tải: Tham gia ý kiến về hạ tầng kỹ thuật hệ thống giao thông cụm công nghiệp, khả năng đầu nối hạ tầng kỹ thuật ngoài cụm công nghiệp và các nội dung khác có liên quan.

đ) Các Sở, ngành, đơn vị liên quan: Có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 7. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp:

a) Chủ đầu tư cụm công nghiệp: Chịu trách nhiệm lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

b) Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản

lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Công Thương và các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp: Các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan, có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 8. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư trong cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định sau:

a) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.

b) Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận.

4. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp: Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan, có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 9. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định pháp luật đất đai hiện hành.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thu hồi đất; chủ trì thực hiện hướng dẫn, thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp: Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan, có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 10. Tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Luật đầu tư năm 2014 và các quy định khác có liên quan.

2. Thu hồi đất, cho thuê đất (nếu có): Thực hiện theo quy định pháp luật đất đai hiện hành.

3. Cấp giấy phép xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Các trường hợp khác thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ; Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Phương án phòng cháy, chữa cháy: Thực hiện theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

6. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường, công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, các cơ sở trong cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường

cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

7. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp:

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, an ninh trật tự.

c) Hợp đồng thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp về đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp hoặc ký hợp đồng chuyển giao nước thải để xử lý với cơ sở có chức năng theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp cơ sở được miễn trừ đầu nối theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT thì thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

d) Thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải rắn, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT.

đ) Thực hiện chương trình quan trắc môi trường của cơ sở theo quy định và thông báo kết quả cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, đồng thời thông báo cho chủ đầu tư khi xảy ra sự cố môi trường và thực hiện việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan: Phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 11. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, không trái quy định của pháp luật. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý.

b) Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp phải đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh cần quản lý: Tình hình triển khai cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện, cấp tỉnh; tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tình hình hoạt động dự án đầu tư trong cụm công nghiệp.

2. Công tác thông tin báo cáo:

a) Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Định kỳ trước ngày 20 các tháng 4, 7, 10 hàng năm và tháng 01 năm sau, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm theo Biểu 01 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi Chi cục Thống kê và sao gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Định kỳ trước ngày 20 tháng 7 hàng năm và tháng 01 năm sau, báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng, năm theo Biểu 02 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi Chi cục Thống kê và sao gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố và Sở Công Thương.

c) Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố: Định kỳ trước ngày 25 tháng 7 hàng năm và tháng 01 năm sau, báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng, năm theo Biểu 03 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

d) Sở Công Thương: Định kỳ trước ngày 31 tháng 7 hàng năm và tháng 01 năm sau, báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh

doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng, năm theo Biểu 04 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Công Thương địa phương.

đ) Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ bằng văn bản và thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp (nếu có). Ngoài ra, các đối tượng thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra:

a) Thanh tra, kiểm tra hàng năm việc chấp hành pháp luật về đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường,...đối với chủ đầu tư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì (Sở Công Thương):

Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương có liên quan tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo nguyên tắc không quá một lần trong một năm, trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp:

Các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương có liên quan xây dựng, trình và tổ chức thực hiện quy hoạch, quy định, quy chế, các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

c) Đầu mối tiếp nhận, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; quyết định lựa

chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Đầu mỗi tiếp nhận, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm: Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, phương án phòng cháy, chữa cháy) theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tổng hợp, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về nhu cầu sử dụng đất của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn. Hỗ trợ các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về khuyến công, xúc tiến thương mại và tiết kiệm năng lượng.

e) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành và hướng dẫn Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

g) Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm tình hình hoạt động cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh về Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn ngân sách địa phương để đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp.

b) Tổng hợp phương án ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp 05 năm và hàng năm trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp thuộc nguồn vốn nhà nước.

d) Hướng dẫn chủ đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp; tổ chức thanh tra, kiểm tra, quyết toán đúng quy định.

4. Sở Xây dựng:

a) Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn xây dựng, trình tự lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và hoạt động cấp phép xây dựng trong cụm công nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp các Sở ngành có liên quan thực hiện các thủ tục sau: Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch; cấp Giấy phép xây dựng; điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng; thu hồi giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan giám định chất lượng các công trình xây dựng, giám định sự cố công trình tại các cụm công nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện các hồ sơ, thủ tục về lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng liên quan kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm, xác nhận hoàn thành việc thực hiện các công trình, biện pháp phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức. Đồng thời, chủ trì thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận.

b) Chủ trì, phối hợp các Sở ngành có liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; thủ tục cho thuê, thu hồi đất theo quy định.

c) Thực hiện cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại cho chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Sở Công Thương, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan chức năng liên quan thực hiện xử lý vi phạm hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về môi trường đối với các hành vi vi phạm theo các quy định về kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường và các quy định khác có liên quan.

đ) Lập danh sách các dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, các cơ sở trong cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ ngành liên quan.

6. Sở Nội vụ: Hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp, Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

7. Công an tỉnh: Hướng dẫn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

8. Cục Thuế: Hướng dẫn chủ đầu tư, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi các chính sách thuế đối với dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

9. Cục Thống kê: Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ cho công tác tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

Chỉ đạo Chi cục Thống kê cấp huyện tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn huyện theo chế độ báo cáo hiện hành.

10. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn, gửi Sở Công Thương để tổ chức thẩm định. Xây dựng và quản lý thông tin về cụm công nghiệp trên địa bàn, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh. Thông tin, tuyên truyền cho Nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước trong việc đầu tư, xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp.

b) Trường hợp không có doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể thành lập Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện để giao hoặc ủy quyền nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật đến hàng rào cụm công nghiệp; hỗ trợ tuyển dụng lao động tại địa phương, giải quyết tranh chấp lao động tập thể; kiểm tra về quản lý sử dụng đất, bảo vệ môi trường, quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các dự án trong cụm công nghiệp trên địa bàn theo đúng thẩm quyền quy định.

d) Chủ động phối hợp thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc phạm vi ranh giới quy hoạch, xây dựng cụm công nghiệp do địa phương quản lý.

đ) Đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc đề xuất Sở Công Thương phối hợp giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào trong cụm công nghiệp (gồm: Quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy) theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp hoặc đề xuất Sở Tài nguyên và Môi

trường xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

g) Có trách nhiệm thực hiện xin phép đầu nối theo quy định trong cụm công nghiệp với hệ thống giao thông bên ngoài (quốc lộ, tỉnh lộ) đi qua địa bàn. Thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào hoạt động tại các cụm công nghiệp trên địa bàn.

h) Chỉ đạo lực lượng Công an cấp huyện phối hợp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thường xuyên bảo vệ an ninh, trật tự trong các cụm công nghiệp. Chỉ đạo các đơn vị chức năng không tiếp nhận các dự án đầu tư mới vào cụm công nghiệp chưa có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định. Kiểm tra, thanh tra việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

i) Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo tình hình hoạt động cụm công nghiệp trên địa bàn về Sở Công Thương.

11. Các Sở ngành khác: Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế, các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Khi các văn bản quy định dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Lê Thành Trí